TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2018/DS-ST
Ngày 02 tháng 7 năm 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp,Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 528/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại cổ phần A; địa chỉ: đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh U – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Xuân M (Giấy ủy quyền số 730/UQ-QLN.18 ngày 27/6/2018); địa chỉ: đường J, phường X, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Hữu T; địa chỉ: đường S, Phường L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 22/03/2011 của ông Trần Hữu T, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), các văn bản của ông Trần Hữu T ký kết với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 05/4/2011 Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Trần Hữu T chi tiết như sau: số thẻ 4791 3926 0001 3730, ngày cấp 05/4/2011, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, hiệu lực thẻ là 36 tháng, lãi

suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông Trần Hữu T đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt là 48.000.000 đồng, ông T thanh toán cho Ngân hàng 400.000 đồng. Tính đến ngày 30/9/2011 ông Trần Hữu T còn nợ Ngân hàng tổng cộng 56.395.822 đồng, trong đó tiền phí là 2.444.000 đồng, phạt chậm trả là 1.533.896 đồng lãi trong hạn là 4.817.926 đồng. Do không thực hiện việc trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa T nên đến ngày 30/9/2011 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn.

Tính đến thời điểm hiện nay, ông Trần Hữu T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 208.387.964 đồng; trong đó bao gồm 56.395.822 đồng tiền gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 02/7/2018 là 151.992.142 đồng (mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn). Cụ thể mức lãi suất trong từng thời kỳ được tính như sau: Từ 30/9/2011 đến 14/11/2011 là 0,0958%/ngày, từ 14/11/2011 đến 12/6/2017 là 0,1075%/ngày, từ 12/6/2017 đến 01/01/2018 là 0,1208%/ngày, từ 01/01/2018 đến 02/7/2018 là 0,1192%/ngày.

Tại phiên tòa, Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Trần Hữu T thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là: 208.387.964 đồng làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài số tiền trên, ông Trần Hữu T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh đến ngày thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng trả góp mà 02 bên đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật; tuy nhiên ông Trần Hữu T vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: Đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết thể hiện; ông Trần Hữu T đã được Ngân hàng cấp thẻ với hạn mức là 50.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã vi phạm việc trả nợ nên phía ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Theo các tài liệu chứng cứ thể hiện, hiện nay ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 208.387.964 đồng; trong đó bao gồm

56.395.822 đồng tiền gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 02/7/2018 là 151.992.142 đồng. Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] 1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[3] Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Hữu T, sinh năm 1980; địa chỉ: đường S, Phường L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét thấy; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Trần Hữu T đã được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tống đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1, khoản 2 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông T vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Hữu T.

[5] 2. Về yêu cầu của các đương sự:

[6] Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Trần Hữu T thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số thẻ là 4791 3926 0001 3730, khoản tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là: 208.387.964 đồng; trong đó bao gồm 56.395.822 đồng tiền gốc, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 02/7/2018 là 151.992.142 đồng.

[7] Xét về số nợ gốc phải trả: Ông Trần Hữu T được cấp thẻ tín dụng với hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng thông qua hợp đồng cấp thẻ tín dụng số thẻ là 4791 3926 0001 3730 ngày 13/4/2011, phía Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Trần Hữu T với hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng. Sau khi nhận thẻ ông T đã thực hiện giao dịch rút tiền mặt với số tiền 48.000.000 đồng. Sau khi thực hiện xong giao dịch đến nay ông T chỉ đóng cho Ngân hàng 400.000 đồng. Tính đến ngày 30/9/2011 ông Trần Hữu T còn nợ Ngân hàng tổng cộng 56.395.822 đồng, trong đó tiền phí là 2.444.000 đồng, phạt chậm trả là 1.533.896 đồng lãi trong hạn là 4.817.926 đồng.

[8] Căn cứ vào khoản 2 Điều 13 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo quết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định *"khi đến kỳ hạn trả nợ gốc hoặc lãi, nếu khách hàng không trả nợ đúng hạn và không được điều*

chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc lãi hoặc không được gia hạn nợ gốc hoặc lãi, thì tổ chức tín dụng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn".

[9] Căn cứ khoản 1 Điều 34 Thông từ số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc ngân hàng nhà nước quy định "*đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày thông tư này có hiệu lực thi hành: 1 Tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại thông tư này"*.

[10] Tại Điều 5.2, và Điều 10.1 của bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A mà hai bên ký kết đã thể hiện:

"5.2 tất cả giá trị giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ được nhập vào số dư nợ đầu kỳ tiếp theo. ACB vẫn được quyền ghi nợ tài khoản thẻ cho dù số dư nợ có vượt quá hạn mức tín dụng hay không".

"10.1 Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì ACB sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của ACB…"

[11] Việc phía Ngân hàng cộng tất cả các khoản phí, phí phạt, lãi trong hạn vào số tiền nợ gốc của khách hàng khi chuyển sang nợ quá hạn là đúng theo quy định của pháp luật như viện dẫn nêu trên và phù hợp với thỏa thuận của hai bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận số nợ gốc là 56.395.822 đồng mà phía Ngân hàng yêu cầu

[12] Xét về nợ lãi phải trả:

Tại điều 10.1 của bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A mà hai bên ký kết đã thể hiện: *"10.1 Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng…"*. Do ông T đã không thanh toán đầy đủ cho phía Ngân hàng nên ngày 30/9/2011 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc là 56.395.822 sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "*Tổ chức tín dụng là khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* và Điều 11 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo quết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định *"1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng"*. Do đó mức lãi suất Ngân hàng áp dụng để tính lãi quá hạn cho bị đơn là không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của Ngân hàng.

[13] Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Từ 30/9/2011 đến 14/11/2011 là 0,1075%/ngày (45 ngày = 2.432.070 đồng).

Từ 14/11/2011 đến 12/6/2017 là 0,1075%/ngày (2037 ngày = 123.494.161 đồng).

Từ 12/6/2017 đến 01/01/2018 là 0,1208%/ngày (203 ngày = 13.833.425 đồng).

Từ 01/01/2018 đến 02/7/2018 là 0,1192%/ngày (182 ngày = 12.232.486 đồng

[14] Về khoản tiền lãi kể từ sau ngày tòa xét xử sơ thẩm:

[15] Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2018 ông Trần Hữu T còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[17] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí phải chịu là: 208.387.964 đồng x 5% = 10.418.948 đồng.

[18] Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Khoản 2 Điền 91 Luật Các tổ chức tín dụng ;

Áp dụng Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A:

Buộc ông Trần Hữu T thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng cộng: 208.387.964 đồng; trong đó bao gồm: 56.395.822 đồng tiền gốc, lãi quá hạn: 151.992.486 đồng làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 03/7/2018 ông Trần Hữu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hữu T chịu 10.418.948 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn lại 4.608.044 đồng cho Ngân hàng TMCP A theo biên lai thu số AA/2017/0027588 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quốc Việt